

Bản án số: 86/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 27-5-2019

V/v “Ly hôn & T/c nuôi con”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Khắc Linh Duy

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trương Thị Kim Tiến;
2. Ông Nguyễn Thanh Hoàng;

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Phan Thanh Tú – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 27 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 201/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2019 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hồ Tố H, sinh năm 1985.

Địa chỉ: ấp Hòa Hiệp 2, xã Hiệp Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Ông Đỗ Tấn P, sinh năm 1985.

Địa chỉ: ấp Gò Sao, xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

(Bà H có mặt, ông P vắng mặt không lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 19/01/2018, nguyên đơn bà Hồ Tố H trình bày: Bà H và ông P cưới nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Vợ chồng chung sống đến năm 2014 thì P sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông P có tình cảm với người khác, không quan tâm đến gia đình nên vợ chồng thường gây gổ, cãi nhau. Bà H đã ly thân ông P từ tháng 01 năm 2018 đến nay. Nay bà H khởi kiện yêu cầu:

Về tình cảm: Bà Hồ Tố H yêu cầu ly hôn với ông Đỗ Tấn P.

Về con chung: có 02 con chung tên Đỗ Ngọc Huyền T, sinh ngày 11/11/2007 và Đỗ Ngọc Huyền C, sinh ngày 02/8/2011, hiện cả hai con đang

sống với bà H. Khi ly hôn bà H yêu cầu được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu ông Đỗ Tấn P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Hồ Tố H không bổ sung, thay đổi yêu cầu khởi kiện, vẫn giữ các yêu cầu, ý kiến trình bày.

Bị đơn ông Đỗ Tấn P vắng mặt trong quá trình thụ lý giải quyết và vắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến trình bày.

Tòa án đã tiến hành liên lạc và tổng đạt các thủ tục tố tụng cho ông Đỗ Tấn P theo quy định tại Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự, ông P biết Tòa án đang thụ lý giải quyết ly hôn với bà H nhưng ông P không tham gia cung cấp ý kiến, không tham gia hòa giải, nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, ông P vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử giải quyết theo đơn khởi kiện của bà Hồ Tố H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*

Bà Hồ Tố H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Đỗ Tấn P, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

*[2]. Về tố tụng:* Bị đơn ông Đỗ Tấn P đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử giải quyết xử vắng mặt bị đơn quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

*[3]. Về nội dung vụ án:*

[3.1]. Về tình cảm: Xét quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông P có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An vào ngày 24/11/2005 nên hôn nhân giữa bà H và ông P là hôn nhân hợp pháp theo qui định Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông P: Bà H cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do ông P có tình cảm với người phụ nữ khác, không chăm lo cho gia đình nên vợ chồng hay gây cãi nhau, hôn nhân không hạnh phúc. Xét ý kiến của bà H trình bày vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và đã ly thân từ tháng 01 năm 2018 đến nay và cương quyết ly hôn. Tòa án đã triệu tập ông P nhiều lần để hòa giải nhưng ông P vẫn cố tình vắng mặt, không cung cấp ý kiến về việc bà H xin ly hôn cho thấy ông P không có thiện chí hàn gắn. Từ đó, HĐXX xét hôn nhân giữa bà H với ông P đã mâu thuẫn trầm trọng, nên bà H yêu cầu xin ly hôn với ông P là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2]. Về con chung: có 02 con chung tên Đỗ Ngọc Huyền T, sinh ngày 11/11/2007 và Đỗ Ngọc Huyền C, sinh ngày 02/8/2011, hiện cả hai con đang sống với bà H. Khi ly hôn, bà H yêu cầu được nuôi cả hai con chung. HĐXX xét: cháu Huyền Trân và cháu Huyền Châu có ý kiến trình bày có nguyện vọng sống với bà H. Do đó, HĐXX thấy cần để bà H tiếp tục nuôi hai con chung Đỗ Ngọc Huyền T và Đỗ Ngọc Huyền C là đúng nguyện vọng của các con, phù hợp các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên ghi nhận.

[3.3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Đỗ Tấn P không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì bà H không yêu cầu.

[3.4]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Hồ Tố H xác định không có tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với ông P vắng mặt tại phiên tòa, không thể hiện ý kiến về tình cảm, con chung, cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét giải quyết. Nếu sau này, giữa bà H và ông P có P sinh tranh chấp về con chung, cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung thì các bên được quyền khởi kiện để giải quyết trong một vụ án khác.

[4]. Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí tòa án;

Buộc nguyên đơn bà Hồ Tố H phải chịu án phí ly hôn sung công quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 28, 35, 39, 147, 227, 271 BLTTDS năm 2015.

Áp dụng các Điều 9, Điều 14, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Hồ Tố H với ông Đỗ Tấn P. Bà Hồ Tố H được ly hôn với ông Đỗ Tấn P.

2. Về con chung: Bà Hồ Tố H được quyền nuôi hai con chung tên Đỗ Ngọc Huyền T, sinh ngày 11/11/2007 và Đỗ Ngọc Huyền C. Ông Đỗ Tấn P không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì bà H không yêu cầu.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Đỗ Tấn P không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì bà Hồ Tố H không yêu cầu.

4. Về quyền chăm sóc con chung: Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp

bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật

5. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Hồ Tố H xác định không có tài sản chung, không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

6. Về án phí: Bà Hồ Tố H phải nộp 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước, khấu trừ 300.000đồng tạm ứng án phí mà bà H đã nộp theo biên lai số 0004241 ngày 07/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hoà sang án phí để thi hành. Bà Hồ Tố H đã nộp xong.

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày niêm yết.

Trường hợp bản án hoặc quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án là 05 năm theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án”.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục THADS;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân Phú (đề biệt);
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Khắc Linh Duy**

















